

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 05/2024/ST-HNGĐ

Ngày 31/01/2024

“V/v hôn nhân”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em

2. Bà Dương Việt Thu

- Thư ký phiên tòa: Lâm Nhị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã VMA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Phạm Trường G, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CTB, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị X trình bày (Biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2023): Bà và ông Phạm Trường G xây dựng hôn nhân vào năm 1982, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà và ông G có 05 người con chung gồm:

1. Phạm Tuyết P, sinh năm 1983

2. Phạm Trường A, sinh năm 1985

3. Phạm Thanh T, sinh năm 1987

4. Phạm Thùy N, sinh năm 1989

5. Phạm Anh Q, sinh năm 1996, các con bà đã thành niên. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng bà không có nợ chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cự cãi với nhau, ông G nhiều lần đánh đập bà nên từ đó vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc và đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Sau khi ly thân bà và ông G không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và trước đây bà và ông G đã mâu thuẫn và có nộ đơn ly hôn ở Tòa án sau đó ông G năn nỉ bà để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã rút đơn khởi kiện lại, nhưng sau khi về chung sống ông G vẫn không thay đổi nên không thể hàn gắn được. Nay bà có yêu

cầu được ly hôn với ông G.

Bị đơn ông Phạm Trường G trình bày (tại biên bản ghi lời khai ngày 08/01/2024): Ông và bà Nguyễn Thị X xây dựng hôn nhân vào năm 1982, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông có 05 người con chung gồm:

1. Phạm Tuyết P, sinh năm 1983
2. Phạm Trường A, sinh năm 1985
3. Phạm Thanh T, sinh năm 1987
4. Phạm Thùy N, sinh năm 1989

5. Phạm Anh Q, sinh năm 1996, các con đã thành niên. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không có nợ chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cự cãi với nhau, ông có 01 lần đánh bà X nên từ đó vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc và đã sống ly thân hơn 04 năm nay. Sau khi ly thân ông G có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà X không đồng ý. Nay ông đồng ý ly hôn với bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị X đối với ông Phạm Trường G.

Về con chung: Đã thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị X và ông Phạm Trường G có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Phạm Trường G xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 1982, không đăng ký kết hôn, nhưng do bà X và ông G chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 nên vẫn công nhận bà X và ông G là vợ chồng và quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà X thấy rằng: Mâu thuẫn giữa bà X và ông G phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó vợ chồng chung sống không hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau. Thực tế thì giữa bà X và ông G đã sống ly thân với nhau 04 năm nay, trong khoảng thời gian ly thân nhưng giữa hai bên cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy rằng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và ông G cũng đồng ý ly hôn với bà X, nhưng do giữa bà X và ông G xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị X đối với ông Phạm Trường G.

[4] Về con chung: đã thành niên

[5] Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi và đã có đơn xin được miễn án phí nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị X đối với ông Phạm Trường G; xử cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Phạm Trường G.

2. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- UBND thị trấn Hòa Bình ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Linh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TỈNH BẠC LIÊU

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 07 tháng 5 năm 2018

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Miên

2. Bà Trần Thị Kiều Oanh

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 271/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lưu Ngọc Diễm, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp 10, xã Tân phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Nhó, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Đồng Lớn 2, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án, thảo luận Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 tất cả các vấn đề sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Ngọc Diễm với anh Nguyễn Văn Nhó.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 01/02/2013 cho chị Lưu Ngọc Diễm tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Nhó có quyền và nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Chị Lưu Ngọc Diễm phải chịu 300.000 đồng, chị Diễm đã tạm dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003768 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 07 tháng 5 năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN MIÊN TRẦN THỊ KIỀU OANH LŨ VĂN TUẤN